TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-PT.
Ngày: 07-4-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Xuân Liêm**;

Bà **Nguyễn Thị Liên**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà **Lê Thị Ngọc Linh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2021/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 147 đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phạm Xuân L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 82 đường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Lê Thế Anh H, sinh năm 1970 và bà Trần Thị T, sinh năm 1975.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Thế Anh H: bà Trần Thị T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 182 đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Bà T có mặt, ông H vắng mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Thế Anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Xuân L trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Phạm Thị L đã cho vợ chồng bà Trần Thị T, ông Lê Thế Anh H vay số tiền 1.700.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, kể từ ngày 03/5/2018

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 09/7/2018.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 ngày.

Mặc dù, việc vay tiền 03 lần nêu trên chỉ có bà Trần Thị T là người viết và ký vào giấy mượn tiền; tuy nhiên, ông Lê Thế Anh H ở xa, có điện thoại về cho bà Phạm Thị L thống nhất với việc vay tiền nêu trên của bà T để sử dụng vào mục đích chung của gia đình là đáo hạn ngân hàng và kinh doanh bất động sản. Qua nhiều lần đòi nợ, nhưng vợ chồng bà T, ông H không trả nên bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông H trả số tiền 1.700.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng trong quá trình vay, bà Trần Thị T đã trả được số tiền 700.000000 đồng nên chỉ yêu cầu vợ chồng bà T, ông H trả số tiền còn nợ 1.000.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 09/7/2018 và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 700.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 03/5/2018 và Giấy mượn tiền ngày 10/10/2018. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bà thừa nhận 03 Giấy mượn tiền lập ngày 03/5/2018, ngày 09/7/2018 và ngày 10/10/2018 là do bà viết và ký tên. Đối với số tiền 1.700.000.000 đồng mà bà L khởi kiện thì bà chỉ thừa nhận có nợ của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền lập ngày 09/7/2018; số tiền 700.000.000 đồng trong 02 Giấy mượn tiền lập ngày 03/5/2018 và ngày 10/10/2018 đã hủy bỏ, nhưng vì bà không giữ 02 giấy mượn tiền này nên bà L mới khởi kiện đối với số tiền 700.000.000 đồng. Ông Lê Thế Anh H là chồng của bà, không liên quan đến số tiền bà L khởi kiện vì bà vay tiền của bà L để dùng cho cá nhân của bà chứ không dùng vào mục đích chung của gia đình.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền nợ 1.000.000.000 đồng, bà không đồng ý. Vì số tiền nợ 1.000.000.000 đồng được vay nhiều lần từ

năm 2012 và đến ngày 09/7/2018 thì ghi dồn thành giấy mượn tiền 1.000.000.000 đồng. Trong quá trình vay mượn, đến nay đã trả được tổng số tiền là 363.400.000 đồng, trong đó trả trực tiếp cho bà L nhiều lần với số tiền là 203.400.00 đồng và trả cho chồng bà L *(ông Trần Đình T)* số tiền là 160.000.000 đồng. Đồng thời, mỗi tháng bà trả cho bà L 75.000.000 đồng tiền lãi và đã trả bao nhiêu, trả từ khi nào thì bà không nhớ cụ thể. Bà T đề nghị Tòa án xem xét số nợ còn lại và không yêu cầu xem xét về khoản lãi đã trả.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Lê Thế Anh H trình bày:

Ông không biết và cũng không liên quan đến số tiền vay nêu trên của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2021/DS-ST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Thế Anh H và bà Trần Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L số tiền nợ là 1.000.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút với số tiền 700.000.000 đồng. Quyền khởi kiện của đương sự với giao dịch này được bảo đảm theo pháp luật quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lê Thế Anh H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc cá nhân bà Trần Thị T trả số tiền nợ 1.000.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế Anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo nội dung kháng cáo; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế Anh H thì thấy:

[2.1] Bị đơn bà Trần Thị T thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, tự nguyện viết giấy vay tiền ngày 09/7/2018, với số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, kể từ ngày 09/7/2018. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trần Thị T có vay của bà Phạm Thị L số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 09/7/2018 và hiện nay chưa trả cho bà L là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo về số tiền này, chỉ có bị đơn ông Lê Thế Anh H kháng cáo với nội dung không đồng ý nghĩa vụ trả nợ cùng với bà Trần Thị T.

[2.2] Bị đơn bà Trần Thị T và ông Lê Thế Anh H đều cho rằng ông H không liên quan đến khoản nợ vay của bà L, vì bà T vay để sử dụng riêng cho bản thân, không dùng vào mục đích chung của gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy mượn tiền ngày 09/7/2018 không thể hiện ông H cùng với bà T đứng tên vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đây là khoản tiền lớn, vay trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông H đang tồn tại, cùng chung sống với nhau trong gia đình; mục đích vay ghi trong Giấy mượn tiền là để đáo hạn nợ ngân hàng. Bà T thừa nhận dùng số tiền vay này để đáo hạn nợ ngân hàng và buôn bán bất động sản, nhằm mục đích tạo ra nguồn thu nhập cho gia đình. Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà T trả số tiền vay cho bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị T và ông Lê Thế Anh H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 1.000.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế Anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn ông Lê Thế Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thế Anh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2021/DS-ST ngày 06/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 38, 39, 227, 228, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L đối với bị đơn bà Trần Thị T, ông Lê Thế Anh H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Trần Thị T và ông Lê Thế Anh H trả cho bà Phạm Thị L số tiền nợ vay là 1.000.000.000 *(Một tỷ)* đồng *(theo Giấy mượn tiền ngày 09/7/2018)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Thế Anh H và bà Trần Thị T phải chịu số tiền 42.000.000 *(Bốn mươi hai triệu)* đồng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 31.500.000 *(Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001047 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Thế Anh H phải chịu số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009286 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(07/4/2022)*.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND Tp. Tam Kỳ;
- Chi cục THADS Tp. Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo